

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2024/HNGĐ-ST

Ngày 24 tháng 6 năm 2024

“V/V Tranh chấp về hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Hưng – Ông Nguyễn Đình Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 24 tháng 06 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 193/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024, về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2024/QĐXX-ST ngày 15 tháng 05 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2024/QĐ-HPT ngày 31 tháng 05 năm 2024, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh ngày 06/01/1989.

Nơi cư trú: xóm T, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Có mặt)

-Bị đơn: Anh Phạm Văn L, sinh ngày 25/11/1997.

Nơi cư trú: xóm T, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày tại bản khai và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thì vụ án có nội dung.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Phạm Văn L tổ chức cưới vào tháng 5 năm 2010. Trước khi cưới anh chị có quá trình yêu đương tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương được sự đồng ý của hai gia đình. Chị T, anh L làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 53/2010 ngày 14/5/2010. Sau khi kết hôn thì vợ chồng không sống hạnh phúc đến tháng 05/2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là quá trình sống chung vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, thường xuyên va chạm với nhau khi tiếp xúc, gây khó chịu cho nhau

trong quá trình sống chung. Mâu thuẫn xảy ra ngày càng sâu sắc trầm trọng, nên vợ chồng đã sống ly thân cắt đứt các mối quan hệ từ cuối tháng 5 năm 2014 cho đến nay. Mâu thuẫn xảy ra đã được gia đình hai bên hòa giải với mục đích vợ chồng cùng nhau xây dựng hôn nhân bền vững, kết quả hòa giải không thành, tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, ngược lại mâu thuẫn càng trầm trọng hơn.

Chị T xác định không còn tình cảm, tình yêu đối với anh L nữa, dù có hòa giải đến đâu thì chị cũng không đoàn tụ, không duy trì hôn nhân đối với anh L, chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Tiến L1

-Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Phạm Yến N (Giới tính: Nữ), sinh ngày 15/11/2012. Từ ngày vợ chồng sống ly thân chị T đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung của vợ chồng, anh L1 không có trách nhiệm gì đối với con chung về vật chất và tinh thần. Do đó chị T đề nghị giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản: Chị Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phạm Văn L đã được Tòa án niêm yết, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu anh có mặt tại tòa án để giải quyết vụ án, nhưng anh không hợp tác, nên Tòa án không thu thập được ý kiến, lời khai của bị đơn. Song qua các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Phạm Văn L tan rã do vỡ cơ bản đúng như nguyên đơn đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng: Quan hệ pháp luật mà nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là vụ án Tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đều cư trú tại xóm T, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An qui định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã niêm yết, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu nguyên đơn, bị đơn có mặt tại tòa án để giải quyết, nhưng bị đơn anh Phạm Văn L không chấp hành, không hợp tác. Do đó Tòa án đã lập biên bản theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo tham gia phiên tòa lần thứ nhất đã được niêm yết tổng đạt lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã Quyết định hoãn phiên tòa, ấn định về thời gian tiếp tục xét xử vụ án. Tòa án tiếp tục tổng đạt, hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo tham gia phiên tòa lần thứ hai cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn chị Lê Thị T mặt, bị đơn anh Phạm Văn L tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn anh Phạm Văn L.

[2]Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa chị Lê Thị T, anh Phạm Văn L được các bên thực hiện đúng quy định của pháp luật. Chị T, anh L tự nguyện tiến tới hôn nhân, đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 53/2010 ngày 14/5/2010, nên xác định hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Phạm Văn L là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn cơ bản dẫn đến hôn nhân giữa chị T, anh L3 tan rã, đổ vỡ là do sau khi sống chung một thời gian chị T thấy vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Do đó vợ chồng đã nhiều lần xung đột cự cãi, xử sự không đúng mực đối với nhau. Hôn nhân giữa chị T, anh L2 tan rã đổ vỡ kể từ năm 2014. Từ ngày vợ chồng sống ly thân đến ngày xét đã hơn 10 năm nhưng các bên không có động thái gì về việc níu kéo hôn nhân. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa chị L2, anh T đã tan rã, đổ vỡ, sợi dây gắn kết tình cảm giữa vợ và chồng không còn. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L2 là có căn cứ, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Phạm Văn L.

- Về quan hệ con chung: Từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung duy nhất của vợ chồng là cháu Phạm Yến N (Giới tính: nữ), sinh ngày 15/11/2012 được chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Mặc dù không có sự hỗ trợ của anh L về tiền bạc cũng như tinh thần, nhưng chị T vẫn nuôi con tốt phát triển về mọi mặt. Do đó chị T đề nghị giao con chung cho chị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là đúng, phù hợp với nguyện vọng của con chung, cần chấp nhận về việc đề nghị giao con chung của chị Lê Thị T.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Thị T không yêu cầu anh Phạm Văn L cấp dưỡng, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh L cho đến lúc chị T có yêu cầu.

- Về quan hệ tài sản: Chị Lê Thị T không yêu cầu tòa giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Buộc chị Lê Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chị Lê Thị T được ly hôn anh Phạm Văn L.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung cháu Phạm Yến N (Giới tính: nữ), sinh ngày 15/11/2012 cho chị Lê Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Anh Phạm Văn L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị Lê Thị T không yêu cầu.

Anh Phạm Văn L người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở, ngăn cấm.

Vì lợi ích của con các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- **Buộc:** Chị Lê Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Án phí chị T phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai nộp tiền số: 0002728 ngày 05/4/2024, chị Lê Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã M, huyện Y, Nghệ An và nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

Nơi nhận:

- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- Chi cục THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- UBND xã Phúc Thành
- Lưu HSVA
- UBND xã Mã Thành (Nơi ĐKKH)

**TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Anh Ngọc